TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy An

Ông Mai Văn Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018, về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2018/ QĐST – HNGĐ ngày 09/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp C, xã ĐBK, huyện X, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Mai Nhựt T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp C, xã ĐBK, huyện X, Đồng Tháp.

(Chị N có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày*: Chị và anh T được gia đình 02 bên đồng ý tổ chức đám cưới năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đốc Binh Kiều, huyện Tháp Mười vào ngày 04/5/2016. Lúc đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Nhưng khoảng thời gian sau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cự cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, nên hạnh phúc vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt không có tiếng nói chung, chị đã cho anh T cơ hội sửa đổi, nhưng hôn nhân vẫn không có hạnh phúc. Nay nhận thấy hôn nhân không còn níu kéo được nữa, chị yêu cầu ly hôn với anh Mai Nhựt T.

- Quan hệ nuôi con: Chị và anh T có 02 con chung tên Mai Nguyễn Phú A, sinh ngày 21/11/2016 và Mai Nguyễn Nhã P, sinh ngày 12/12/2017, hiện Phú A đang sống chung với cha là anh Mai Nhựt T, còn Nhã P đang sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị Hồng N. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Phú A và Nhã P, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Quan hệ tài sản: Có 20 chỉ vàng 24 kara, hiện số vàng trên do anh T quản lý, chị N yêu cầu được chia đôi số vàng trên, chị được nhận 10 chỉ vàng 24 kara.

Vào ngày 24/10/2018, chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu được chia đôi 20 chỉ vàng 24 kara, chị được nhận 10 chỉ vàng 24 kara.

- Về nợ: Không có.

Anh Mai Nhựt T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N, anh và chị N cưới nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nay chị N yêu cầu ly hôn tại Tòa án, anh đồng ý ly hôn.

- Quan hệ nuôi con: Thống nhất với lời trình bày của chị N, giữa anh và chị N có 02 con chung tên Mai Nguyễn Phú A, sinh ngày 21/11/2016 và Mai Nguyễn Nhã P, sinh ngày 12/12/2017. Anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Phú A, Nhã P và anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

- Quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo quy định của pháp luật, bị đơn anh Mai Nhựt T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng anh Mai Nhựt T vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Mai Nhựt T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu ly hôn với anh Mai Nhựt T. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh T có thời gian tìm hiểu quen biết và được cha, mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2016, thời gian đầu cả hai có cuộc sống hạnh phúc. Lẽ ra, hai bên phải biết yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng trái lại chị N, anh T không tôn trọng tình cảm đã có, thường xuyên để mâu thuẫn xảy ra, làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng, dẫn đến sống ly thân, chị N về nhà cha mẹ ruột. Từ ngày vợ chồng ly thân đến nay chị N với anh T không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau và cũng không có một giải pháp nào để đoàn tụ, điều

đó chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ. Mặt khác, tại tờ tự khai ngày 24/10/2018 anh Mai Nhựt T trình bày ý kiến anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Xét sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quan hệ nuôi con: Chị N và anh T thừa nhận có 02 con chung tên Mai Nguyễn Phú A, sinh ngày 21/11/2016 và Mai Nguyễn Nhã P, sinh ngày 12/12/2017, hiện Nhã P đang sống với chị N, Phú A đang sống với anh T. Chị N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Theo ý kiến của anh T thì anh T cũng yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Xét thấy, con chung của chị N với anh T tên Mai Nguyễn Phú A, sinh ngày 21/11/2016 tính đến ngày 26/11/2018, chỉ có 24 tháng 05 ngày tuổi và Mai Nguyễn Nhã P, sinh ngày 12/12/2017 tính đến ngày 26/11/2018, chỉ có 11 tháng 16 ngày tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình như sau: *"3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao trực tiếp cho mẹ nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*.

Như vậy theo quy định của Điều luật trên, thì yêu cầu của anh T về việc được quyền nuôi con chung tên Phú A và Nhã P, không yêu cầu chị N cấp dưỡng là không phù hợp theo quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định như sau: "2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con."Từ những căn cứ trên xét thấy, việc chị N yêu cầu được quyền nuôi con tên Phú A, Nhã P và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, chị N được quyền nuôi dưỡng con chung tên Mai Nguyễn Nhã P, sinh ngày 12/12/2017 và Mai Nguyễn Phú A, sinh ngày 21/11/2016. Anh T có nghĩa vụ phải giao Mai Nguyễn Phú A, sinh ngày 21/11/2016 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung tên Phú A và Nhã P, mỗi đứa con bằng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại từng thời điểm thi hành án, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi Phú A và Nhã P đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2018.

Chị N, anh T có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không bên nào có quyền ngăn cấm. Anh T được quyền thăm nom con chung.

[4] Quan hệ tài sản: Có 20 chỉ vàng 24 kara, hiện số vàng trên do anh T quản lý, chị N yêu cầu được chia đôi số vàng trên, chị được nhận 10 chỉ vàng 24 kara.

Vào ngày 24/10/2018, chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc rút yêu cầu được chia đôi 20 chỉ vàng 24 kara, chị được nhận 10 chỉ vàng 24 kara. Xét thấy, chị Nguyễn Thị Hồng N

xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử.

[5] Về nợ: Chị N, anh T thống nhất không có nợ ai và không có ai nợ anh, chị.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 1.175.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003739 ngày 03/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Nguyễn Thị Hồng N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Anh Mai Nhựt T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Anh Mai Nhựt T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N với anh Mai Nhựt T.

- Quan hệ nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hồng N được quyền nuôi dưỡng con chung tên Mai Nguyễn Phú A, sinh ngày 21/11/2016 và Mai Nguyễn Nhã P, sinh ngày 12/12/2017, anh Mai Nhựt T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung tên Phú A và Nhã P, mỗi đứa con bằng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại từng thời điểm thi hành án, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi Phú A và Nhã P đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2018.

Anh Mai Nhựt T có nghĩa vụ giao Mai Nguyễn Phú A, sinh ngày 21/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Hồng N nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục.

Chị N, anh T có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không bên nào có quyền ngăn cấm. Anh T được quyền thăm nom con chung.

- Quan hệ tài sản: Đình chỉ xét xử yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng N về việc yêu cầu được chia đôi 20 chỉ vàng 24 kara, chị N được nhận 10 chỉ vàng 24 kara.

- Về nợ: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 1.175.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003739 ngày 03/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Nguyễn Thị Hồng N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Anh Mai Nhựt T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Anh Mai Nhựt T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND Tỉnh;
-VKSND cùng cấp;
-Chi cục THADS Huyện;
-Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
-Đương sự;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Thi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Diệu